

DANH SÁCH THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số 04, ngày 3, tháng 2, năm 2026)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi ☐

1. Đơn vị giao dịch: Trường Mầm non Thanh Luông

2. Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: 1096016

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Đối tượng thụ hưởng	Tài khoản ngân hàng		Số tiền
		Số tài khoản đối tượng thụ hưởng	Tên ngân hàng	
(1)	(2)	(3)		(4)
	Tổng số			1.149.980.164
I.	Công chức			-
II.	Viên chức			1.143.804.664
1	Trần Thị Thuý Hằng	105.005.356.901	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	55.520.156
2	Đặng Thị Lan	100.005.356.906	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	51.120.696
3	Nguyễn Thị Đào Thẩm	106.005.356.913	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	54.739.358
4	Nguyễn Thị Thu Hường	109.872.738.758	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	46.191.600
5	Dương Thị Thu	104.005.356.915	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	48.310.708
6	Lý Thị Lan	108.005.356.935	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	48.406.118
7	Dương Thị Hồng Phương	105.005.356.941	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	47.059.156
8	Nguyễn Thị Chiên	107.005.356.951	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	45.241.748
9	Lò Thị Hom	106.005.356.952	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	43.901.068
10	Dương Thị Tắm	107.001.269.438	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	42.927.218
11	Phạm Thị Hồng Khánh	101.005.356.957	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	39.789.266
12	Lê Thị Hoa	107.005.356.963	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	40.589.678
13	Đỗ Thị Quyên	108.005.356.987	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	41.917.792
14	Vũ Thị Minh Phương	108.005.356.962	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	40.589.678
15	Phạm Thị Vân Anh	106.005.356.977	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	40.589.678
16	Lò Thị Biên	103.005.356.982	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	40.589.678
17	Cao Thị Trà Vinh	100.005.356.985	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	40.408.730
18	Vũ Thị Tuyết Lê	107.005.356.990	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	41.603.196
19	Lò Thị Phong	102.881.753.816	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	40.227.782
20	Trần Thị Kim Liên	101.005.397.982	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	38.650.286
21	Lò Thị Xuyên	106.005.356.991	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	37.070.468
22	Quảng Thị Hợi	104.005.296.140	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	36.904.598
23	Chu Thị Minh Khánh	102.005.398.000	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	37.070.470

24	Phan Thị Ngọc	107.005.692.762	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	33.740.132
25	Tòng Thị Minh	106.002.301.020	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	30.513.674
26	Lò Thị Tuyết	104.001.147.893	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	34.045.900
27	Hoàng Thị Thanh Loan	108.869.030.053	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	26.632.476
28	Nguyễn Thị Kim Thoan	104.006.081.693	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	19.453.356
III.	Đối với LĐHD thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111/2022\ND-CP :			6.175.500
1	Vũ Thanh Tùng	108.002.845.463	Ngân hàng TMCPCT- CN Điện Biên	6.175.500
IV.	Đối với HD thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 111/2022\ND-CP :			
Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn một trăm sáu mươi tư đồng				

Điện Biên, ngày 3 tháng 2 năm 2026

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

[Signature]

KÊ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên)

[Signature]

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



[Signature]

Hoàng Thị Thanh Loan

Hoàng Thị Thanh Loan

Trần Thị Thuý Hằng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Điện Biên, ngày 4 tháng 2 năm 2026

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ *[Signature]* LÃNH ĐẠO KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC/LÃNH ĐẠO PHÒNG

[Signature]

